

Số: /QĐ-GĐB

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu**

**Gói thầu số 01** - Mua thuốc generic thuộc danh mục đấu thầu tập trung quốc gia cho 15 tỉnh, thành phố, bao gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Hòa Bình, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Hà Nội

### **GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH BẢO HIỂM Y TẾ VÀ THANH TOÁN ĐA TUYỂN KHU VỰC PHÍA BẮC**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 07/7/2016 của Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2016; Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 06/9/2017 của Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT ngày 21/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-BHXH ngày 01/03/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-BHXH ngày 25/9/2018 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung quốc gia năm 2019-2020 do Bảo hiểm xã hội Việt Nam thí điểm tổ chức thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-GĐB ngày 14/12/2018 của Giám đốc Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc về việc phê duyệt

danh sách xếp hạng nhà thầu theo mặt hàng đợt 1 Gói thầu số 01 - Mua thuốc generic thuộc danh mục đấu thầu tập trung quốc gia cho 15 tỉnh, thành phố, bao gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Hòa Bình, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Hà Nội theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung quốc gia năm 2019-2020 do Bảo hiểm xã hội Việt Nam thí điểm tổ chức thực hiện;

Xét đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 51/TTr-CGĐT ngày 12/01/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu lần 3 và đề nghị của Tổ Thẩm định tại Báo cáo số 28/BC-GĐB-TTĐ ngày 14/01/2019 về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (lần 3) Gói thầu số 01 - Mua thuốc generic thuộc danh mục đấu thầu tập trung quốc gia cho 15 tỉnh, thành phố, bao gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Hòa Bình, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Hà Nội theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung quốc gia năm 2019-2020 do Bảo hiểm xã hội Việt Nam thí điểm tổ chức thực hiện, gồm các nội dung sau:

- Tổng số mặt hàng thuốc trúng thầu: 10 mặt hàng.

- Tổng giá trị đề nghị phê duyệt trúng thầu: 389.736.837.150 đồng (*bằng chữ: Ba trăm tám mươi chín tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm năm mươi đồng*).

TT	Tên nhà thầu	Số lượng mặt hàng trúng thầu	Giá trị trúng thầu	Danh mục chi tiết
1	Liên danh Sao Mai - Hà Tây	10	389.736.837.150	PL kèm theo
<b>Tổng cộng</b>		<b>10</b>	<b>389.736.837.150</b>	

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định trên cơ sở thỏa thuận khung.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2020.

- Nguồn vốn: Kinh phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

**Điều 2.** Giá trúng thầu đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc và các loại thuế phí theo quy định.

**Điều 3.** Phòng Quản lý đấu thầu thuộc - Vật tư y tế có trách nhiệm công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; tổ chức ký kết thỏa thuận khung với Nhà thầu trúng thầu và thực hiện các nội dung khác của quy trình đấu thầu theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Các Ông/Bà Phó Giám đốc, Trưởng phòng Quản lý đấu thầu thuộc - Vật tư y tế, Chánh Văn phòng thuộc Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc và Nhà thầu có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- PTGD Phạm Lương Sơn (để b/c);
- Lưu: VP, TCG, TTĐ, QLĐT.

**GIÁM ĐỐC**

**Dương Tuấn Đức**

**PHỤ LỤC**  
**GÓI THẦU SỐ 01: DANH SÁCH CÁC MẬT HÀNG TRƯNG THẦU - LẦN 3**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-GDB ngày /01/2019 của Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc)

STT	STT theo HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách đóng gói, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tối thiểu)	SPK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng dự thầu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (đồng)	
		<b>LIÊN DANH SAO MAI- HÀ TÂY</b>													
1	8	Cefeme 1g	Cefepim	1g	Hộp 10 lọ bột, Bột pha tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, Tiêm	24 tháng	VN-19241-15	Medochemie Ltd. - Factory	Cyprus	Lọ	Nhóm 1	712.253	61.900,00	44.088.460.700	
2	20	Cefoxitin Panpharma 1g	Cefoxitin	1g	Hộp 25 lọ, Bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	8348/QLD-KD hoặc VN-21110-18	Panpharma	France	Lọ	Nhóm 1	2.183.792	129.000,00	281.709.168.000	
3	35	Cefazidime Kabi 0,3g	Cefazidim	500mg	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ, Bột pha dung dịch tiêm, Tiêm	36 tháng	VN-13541-11 (Công văn giải hạn SDK số: 22823/QLD-DK và 19875/QLD-DK)	Labesfal-Laboratorios Almiró, SA	Portugal	Lọ	Nhóm 1	854.530	23.850,00	20.380.540.500	
4	42	Danaroxime	Cefuroxim	1,5g	Hộp 10 lọ, Bột pha dung dịch tiêm, Tiêm truyền	24 tháng	VN-15270-12 (Công văn giải hạn SDK số: 17475/QLD-DK)	Panpharma	France	Lọ	Nhóm 1	272.816	35.560,00	9.701.336.960	
5	64	Meropenem Kabi 500mg	Meropenam	500mg	Hộp 10 lọ, Bột để pha dung dịch tiêm, Tiêm truyền	36 tháng	VN-20246-17	Facia Farmaceutici S.p.A	Italy	Lọ	Nhóm 1	368.240	64.466,00	23.738.959.840	
6	68	Ciprofloxacain Kabi	Ciprofloxacain	200mg/100ml	Hộp 48 chai 100ml, Dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền	36 tháng	VD-20943-14	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	Nhóm 2	132.420	17.575,00	2.327.281.500	
7	69	Ciprofloxacain Kabi	Ciprofloxacain	200mg/100ml	Hộp 48 chai 100ml, Dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền	36 tháng	VD-20943-14	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	Nhóm 3	147.436	17.575,00	2.591.187.700	
8	76	Levofloxacain Kabi	Levofloxacain*	500mg	Hộp 48 chai 100ml, hộp 1 chai, Dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền	36 tháng	VD-11241-10 (Công văn giải hạn SDK số: 18918/QLD-DK) hoặc VD-29316-18	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	Nhóm 2	203.950	19.399,00	3.956.426.050	
9	77	Levofloxacain Kabi	Levofloxacain*	500mg	Hộp 48 chai 100ml, hộp 1 chai, Dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền	36 tháng	VD-11241-10 (Công văn giải hạn SDK số: 18918/QLD-DK) hoặc VD-29316-18	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	Nhóm 3	43.300	19.399,00	839.976.700	
10	78	Levofloxacain Kabi	Levofloxacain*	500mg	Hộp 48 chai 100ml, hộp 1 chai, Dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền	36 tháng	VD-11241-10 (Công văn giải hạn SDK số: 18918/QLD-DK) hoặc VD-29316-18	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	Nhóm 5	20.800	19.399,00	403.499.200	
<b>Tổng cộng</b>												<b>389.736.837.150</b>			

